

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 10NS/QNS/2023

**SỮA ĐẬU NÀNH FAMI
NGUYÊN CHẤT**

2023



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 10NS/QNS/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI - QNS.**

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Điện thoại: 0255 3726110 – 0255 3726616.

Fax: 0255 3822843.

E-mail: info@qns.com.vn; info@vinasoy.com.

Mã số doanh nghiệp: 4300205943.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở đã được cấp chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm theo FSSC 22000; HACCP Codex.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT

2. Thành phần:

- Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường (8,5 %), chất ổn định (471, 407), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ acid (500(ii)).
- Có chứa đậu nành.
- Sử dụng đậu nành hạt chọn lọc, không biến đổi gen (Non-GMO).
- Không sử dụng chất bảo quản.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:



4.1 Quy cách bao gói:

- Sản phẩm được đóng gói trong hộp/bịch ở dạng rời hoặc được tạo thành dạng lốc trước khi xếp vào thùng carton.
- Sản phẩm được chiết rót với thể tích thực: 200 ml/hộp (bịch), 1 lít/hộp.
- Ngoài ra có thể đóng gói với các loại thể tích khác theo yêu cầu của khách hàng.

(sai số định lượng phù hợp quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

4.2 Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì giấy Tetra Pak bên trong là lớp nhựa PE chuyên dùng, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam.

Sản phẩm của Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.

Sản xuất tại các Nhà máy:

- Nhà máy Sữa đậu nành Việt Nam Vinasoy (ký hiệu A) - Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bắc Ninh (ký hiệu B) - Đường TS5, KCN Tiên Sơn, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
- Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bình Dương (ký hiệu C) - Số 15, đường số 31, KCN VSIP II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Các nhà máy sản xuất của Vinasoy đã được chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm theo FSSC 22000; HACCP Codex.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 6-2: 2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

2. Thông tư của các Bộ, ngành:

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. Tiêu chuẩn Quốc gia số:

- TCVN 12443:2018- Sữa đậu nành.

4. Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: TCCS 10:2023/NS-QNS

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 06 năm 2023 *thanh*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN *thanh*



Võ Thành Dàng



 Dinh dưỡng thiết yếu từ thực vật

**GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG
TRUNG BÌNH TRONG 100 mL**

Năng lượng	58,5 kcal
Chất đạm	2,2 g
Chất béo	1,3 g
Carbohydrate	9,5 g
Chất xơ	220 mg
Natri	25 mg
Cholesterol	0 mg

Thành phần: Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường (8,5%), chất ổn định (471, 407), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ acid (500(ii)). Sản phẩm có chứa đậu nành.

(*) Theo dữ liệu của Kantar từ Worldpanel Division - Household Panel - Thành thị 4 thành phố chính và nông thôn Việt Nam - Cả năm 2022 - Ngành Sữa Đậu Nành.

Sản phẩm của:

**NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM
VINASOY**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi,
02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú,
TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
CBSP số: 10NS/QNS/2023

NSX:
HSD:

Tìm hiểu thêm



Sản xuất tại Việt Nam
www.vinasoy.com
Hotline: 1800 6020



**100%
ĐAM THỰC VẬT**

**THƠM NGON
MÁT LẠNH**

Sữa Đậu Nành
Fami Nguyên Chất

vinasoy®



NGUYÊN CHẤT

TRÀ SỮA ĐẬU NÀNH
**SỐ 1
VIỆT NAM**
ĐƯỢC CHỌN MUA*

vinasoy®



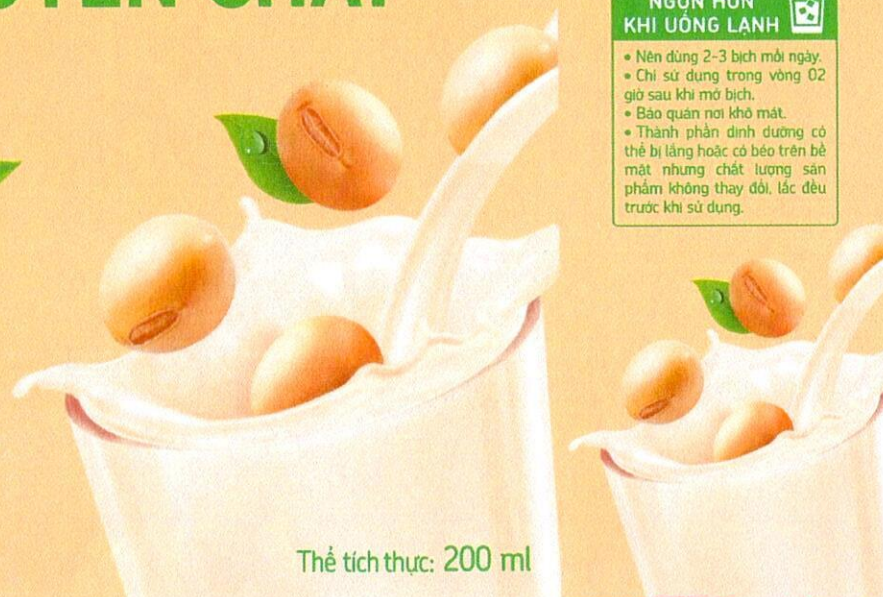
NGUYÊN CHẤT

 **3 KHÔNG**

- ✓ Không chất bảo quản
- ✓ Không Cholesterol
- ✓ Không biến đổi gen

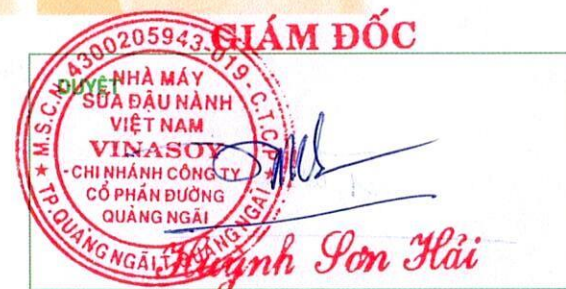
**NGON HƠN
KHI UỐNG LẠNH**

- Nên dùng 2-3 bịch mỗi ngày.
- Chỉ sử dụng trong vòng 02 giờ sau khi mở bịch.
- Bảo quản nơi khô mát.
- Thành phần dinh dưỡng có thể bị lắng hoặc có bèo trên bề mặt nhưng chất lượng sản phẩm không thay đổi, lắc đều trước khi sử dụng.



Thể tích thực: 200 ml

Hạng mục: Bao bì fino Fami Nguyên chất - Nguyên vị
Ngày thực hiện: 13/05/2023
Mã số TK: FA40B-130523



FAMI NGUYÊN CHẤT



OSH
XSN



Dinh dưỡng thiết yếu từ thực vật



OSH
XSN



Tim hiểu thêm tại:
tetrapak.com/
sustainability

LÀM GÌ ĐỂ
CẢI THIỆN
SỨC KHỎE?

Bắt đầu bằng việc chọn sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật. Đóng trong hộp Tetra Pak với công nghệ tiệt trùng giúp giữ trọn vị và dưỡng chất thiên nhiên.



Thành phẩm: Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường (8.5%), chất ổn định (471, 407), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ acid (500(i)).

Sản phẩm có chứa đậu nành.



THỰC SỮA ĐẬU NÀNH SỐ 1 VIỆT NAM ĐƯỢC CHỌN MUA

100% ĐAM THỰC VẬT

THƠM NGON
MÁT LẠNH

Sữa Đậu Nành
Fami Nguyên Chất

Thể tích thực: 200 ml

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH TRONG 100 mL

Năng lượng	58,5 kcal
Chất đạm	2,2 g
Chất béo	1,3 g
Carbohydrate	9,5 g
Chất xơ	220 mg
Natri	25 mg
Cholesterol	0 mg

NGON HƠN KHI UỐNG LẠNH

- Nên dùng 2-3 hộp mỗi ngày.
- Chỉ sử dụng trong vòng 02 giờ sau khi mở hộp.
- Bảo quản nơi khô mát.
- Thành phần dinh dưỡng có thể bị lắng hoặc có béo trên bề mặt nhưng chất lượng sản phẩm không thay đổi.

(*) Theo dữ liệu của Kantar từ Worldpanel Division - Household Panel - Thành thị 4 thành phố chính và nông thôn Việt Nam - Cũ năm 2022 - Ngành Sữa Đậu Nành.

Sản phẩm của:
NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi
02 Nguyễn Chí Thanh P. Quảng Phú,
TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
CBSP số: 30/VNS/ONS/2023

Sản xuất tại Việt Nam
www.vinasoy.com
Hotline: 1800 6020

3 KHÔNG

- ✓ Không chất bảo quản
- ✓ Không Cholesterol
- ✓ Không biến đổi gen

Tim hiểu thêm



Hạng mục: Bao bì brik Fami Nguyên chất - Nguyên vị
Ngày thực hiện: 13/05/2023
Mã số TK: FA36H-130523

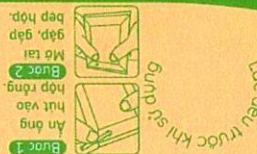


GIÁM ĐỐC

Nguyễn Sơn Hải

IA NGUYÊN VI FAMI NGUYÊN CHẤT

DSH
XSN



Dinh dưỡng thiết yếu từ thực vật

IA NGUYÊN VI



DSH
XSN



NGUYÊN CHẤT

3 KHÔNG

- ✓ Không chất bảo quản
- ✓ Không Cholesterol
- ✓ Không biến đổi gen

Tìm hiểu thêm



LÀM GÌ ĐỂ
CẢI THIẾN
SỨC KHỎE?

Bắt đầu bằng việc chọn sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật

Đóng trong hộp Tetra Pak với công nghệ tiệt trùng giúp giữ trọn vị và dưỡng chất thiên nhiên.

Thành phần: Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường (8,5%), chất ổn định (471, 407), hương liệu giáng tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ acid (500(ii)).

Sản phẩm có chứa đậu nành.



NGUYÊN CHẤT

100% ĐAM THỰC VẬT

THƠM NGON
MÁT LẠNH

Sữa Đậu Nành
Fami Nguyên Chất

Thể tích thực: 200 ml

GIA TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH TRONG 100 mL

Năng lượng	58,5 kcal
Chất đạm	2,2 g
Chất béo	1,3 g
Carbohydrate	9,5 g
Chất xơ	220 mg
Natri	25 mg
Cholesterol	0 mg

NGON HƠN KHI UỐNG LẠNH

- Nên dùng 2-3 hộp mỗi ngày.
- Chỉ sử dụng trong vòng 02 giờ sau khi mở hộp.
- Bảo quản nơi khô mát.
- Thành phần dinh dưỡng có thể bị lắng hoặc có béo trên bề mặt nhưng chất lượng sản phẩm không thay đổi.

(*) Theo dữ liệu của Kantar từ Worldpanel Division - Household Panel - Thành thị 4 thành phố chính và nông thôn Việt Nam - Cả năm 2022 - Ngành Sữa Đậu Nành.

Sản phẩm của:
NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi
02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú,
TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
CSBP số: 1045/DS/2023

3 KHÔNG

- ✓ Không chất bảo quản
- ✓ Không Cholesterol
- ✓ Không biến đổi gen

Tìm hiểu thêm



Hạng mục: Bao bì brik Fami Nguyên chất - Nguyên vị
Ngày thực hiện: 05/06/2023
Mã số TK: FA36H-050623

GIÁM ĐỐC
DUYỆT NHÀ MÁY
SỮA ĐẬU NÀNH
VIỆT NAM
VINASOY
CHI NHÁNH CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐƯỜNG
QUẢNG NGÃI
TP. QUẢNG NGÃI, QUẢNG NGÃI
Sinh viên Việt Nam
www.vinasoy.com
Hotline: 1800 6020



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32301.17144108
MM32301.171441081

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 11/02/2023

Tên khách hàng/ Customer

: NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI
NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address

: SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH
PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample

: SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT
070123-003A

Số lượng/ Quantity

: 1

Mô tả mẫu/ Sample description

: Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

: 17/01/2023

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue

: 07/02/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Clostridium perfringens	CFU/mL	< 01	ISO 7937:2004 (*)
2	Coliforms	CFU/mL	< 01	ISO 4832:2006 (*)
3	Escherichia coli	CFU/mL	< 01	ISO 16649-2:2001 (*)
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/mL	< 01	ISO 16266:2006 (*)
5	Staphylococcus aureus	CFU/mL	< 01	ISO 6888-1:1999/Amd.1. 2003 (*)
6	Streptococci faecal	CFU/mL	< 01	ISO 7899-2:2000 (*)
7	Tổng nấm men, nấm mốc	CFU/mL	< 01	ISO 21527-1:2008 (*)
8	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/mL	< 01	ISO 4833-1:2013 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/

According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

T.S. Trương Huỳnh Anh Vũ



1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

TRỤ SỞ CHÍNH
[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
[4] 18001105
[6] (84.28) 3911 7216
[E] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[9] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[4] (84.292) 3918217 - 3918 218
[E] kinhdoanhcantho@case.vn; nhanmaucancho@case.vn;
ketoancancho@case.vn
[W] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[4] (84.258) 246 5255
[6] (84.258) 246 5355
[E] vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32301.17144108
MM32301.171441081

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 11/02/2023

Tên khách hàng/ Customer

: NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI
NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address

: SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH
PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample

: SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT
070123-003A

Số lượng/ Quantity

: 1

Mô tả mẫu/ Sample description

: Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

: 17/01/2023

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue

: 07/02/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Pb	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Thị Hiền

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

[4] 18001105

[6] (84.28) 3911 7216

[8] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

[9] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

[4] (84.292) 3918217 - 3918 218

[6] kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucantho@case.vn ;

ketoancantho@case.vn

[8] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

[4] (84.258) 246 5255

[6] (84.258) 246 5355

[8] vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32301.17144108
MM32301.171441081

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 11/02/2023

Tên khách hàng/ Customer

: NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address

: SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample

: SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT
070123-003A

Số lượng/ Quantity

: 1

Mô tả mẫu/ Sample description

: Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

: 17/01/2023

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue

: 07/02/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Benzoic acid	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 2	CASE.SK.0019 (*)
2	Sodium benzoate	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 2	CASE.SK.0019 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Thị Hiền

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/

No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[📍] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
[☎] 18001105
[📞] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[📍] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn; nhanmaucantho@case.vn;
ketoancantho@case.vn
[🌐] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[📍] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[📞] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32301.17144108
MM32301.171441081

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 11/02/2023

Tên khách hàng/ Customer

: NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address

: SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample

: SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT
070123-003A

Số lượng/ Quantity

: 1

Mô tả mẫu/ Sample description

: Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

: 17/01/2023

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue

: 07/02/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aflatoxin B1	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
2	Aflatoxin B1, B2, G1, G2	µg/kg	Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0018 (HPLC) (*)
3	Ochratoxin A	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,1	CASE.SK.0069 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Thị Hiền

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/ No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
[📍] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
[☎] 18001105
[📞] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[📍] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn; nhanmaucanthon@case.vn;
ketoancanthon@case.vn
[🌐] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[📍] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[📞] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmienTrung@case.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00006437
Mã số kết quả : AR-23-VD-009092-01-VI / EUVNHC-00199618



NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT
070123-003A
Tình trạng mẫu : Mẫu dạng lỏng, đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 16/01/2023
Thời gian thử nghiệm : 17/01/2023 - 18/01/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 30/01/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J230113215
Mã số mẫu Eol : 005-32410-153788

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD290 VD (a) Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ kg	AOAC 990.28	Không phát hiện (LOD=3)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 30/01/2023

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample code
BN32301.17144108
MM32301.171441081

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 07/02/2023

Tên khách hàng/ Customer

: NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Địa chỉ/ Address

: SỐ 02 NGUYỄN CHÍ THANH, PHƯỜNG QUẢNG PHÚ, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI, VIỆT NAM

Tên mẫu/ Name of sample

: SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT
070123-003A

Số lượng/ Quantity

: 1

Mô tả mẫu/ Sample description

: Mẫu dạng lỏng chứa trong bao bì kín.

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

: 17/01/2023

Ngày hẹn trả KH/ Date of issue

: 07/02/2023

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	GMO	-	Định tính GMO bằng phương pháp sàng lọc: Promoter CaMV 35S: Không phát hiện Terminator NOS: Không phát hiện (LOD= 0,1%)	ISO 21569:2005/Amd 1:2013 (Phụ lục/Annex B1, B3) (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Th.S Trương Huỳnh Anh Vũ

Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH:
[9] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
[☎] 18001105
[☎] (84.28) 3911 7216
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[9] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[☎] (84.292) 3918217 - 3918 218
[✉] kinhdoanhcantho@case.vn; nhanmaucantho@case.vn;
ketoancantho@case.vn
[☎] case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[9] STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.258) 246 5255
[☎] (84.258) 246 5355
[✉] vanphongmientrung@case.vn

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00006439
Mã số kết quả : AR-23-VD-009094-01-VI / EUVNHC-00199618



NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
02 NGUYỄN CHÍ THANH, P. QUẢNG PHÚ, TP. QUẢNG NGÃI
T. QUẢNG NGÃI, Việt Nam

Tên mẫu : SỮA ĐẬU NÀNH FAMI NGUYÊN CHẤT
070123-003A
Tình trạng mẫu : Mẫu dạng lỏng, đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu : 16/01/2023
Thời gian thử nghiệm : 17/01/2023 - 19/01/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 30/01/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J230113215
Mã số mẫu Eol : 005-32410-153790

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD0J2 VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD1HU VD Diquat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
3	VDN9M VD (a) Glufosinat-amoni	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204	Không phát hiện (LOD=0.003)
5	VD2U9 VD Chlorpyrifos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
6	VD3CH VD (a) Acephat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
7	VD3CM VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
8	VD3P3 VD Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
9	VD3FT VD (a) Azoxystrobin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
10	VD3ET VD (a) Bentazon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
11	VD3FU VD (a) Benzovindiflupyr	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
12	VD3CI VD (a) Carbaryl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
13	VD3CJ VD (a) Carbendazim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
14	VD3CU VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
15	VD3F2 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD3FS VD (a) Clethodim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
17	VD3CK VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
18	VD3CZ VD (a) Cycloxydim	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
19	VD2UA VD Cyfluthrin/beta-cyfluthrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
20	VD3BR VD (a) Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
21	VD42S VD (a) Cypermethrins (Gồm alpha & zeta - Cypermethrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
22	VD3DF VD (a) Cyproconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
23	VD3CL VD (a) Diazinon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
24	VD42W VD Dicamba	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
25	VD3D0 VD (a) Difenconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
26	VD4CZ VD (a) Dimethenamid-p	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD3A7 VD (a) Endosulfan	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD3DI VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
29	VD3D2 VD (a) Fenitrothion	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
30	VD4CN VD (a) Fenpropathrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
31	VD3DA VD (a) Flusilazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
32	VD3LS VD (a) Flutriafol	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
33	VD3FD VD (a) Fluxapyroxad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
34	VD3EH VD (a) Haloxypop	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
35	VD3CQ VD Imazamox	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
36	VD3FJ VD (a) Imazapic	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
37	VD3EN VD (a) Indoxacarb	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
38	VD3C9 VD (a) Isoxaflutole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
39	VD3EV VD (a) Mesotrione	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.0002)
40	VD3JH VD (a) Metalaxyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
41	VD3DB VD (a) Methamidophos	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
42	VD3D3 VD (a) Methomyl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
43	VD3CT VD (a) Novaluron	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
44	VD3BH VD (a) Penthiopyrad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
45	VD3BV VD (a) Permethrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
46	VD3D5 VD (a) Phorate	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
47	VD3F7 VD Propiconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
48	VD3FZ VD (a) Prothioconazole	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
49	VD3CS VD (a) Pyraclostrobin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
50	VD3XG VD (a) Quintozene	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
51	VD42R VD (a) Spinozad	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
52	VD3QH VD (a) Spirotetramat	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
53	VD3FP VD (a) Sulfoxaflor	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
54	VD3CF VD (a) Tebuconazol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
55	VD3D8 VD (a) Tebufenozid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.001)
56	VD4CI VD (a) Trinexapac-ethyl	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 (Ref. EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 30/01/2023

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 110/QNS-KCS

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 4 năm 2024.

"V/v bổ sung chỉ tiêu chất lượng
trong TCSP và bổ sung nhãn sản
phẩm của dòng sản phẩm Fami
nguyên chất"

Kính gửi: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Ngãi.

Căn cứ Khoản 4, Điều 5 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 "Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm";

Căn cứ 4 Bản tự công bố sản phẩm công bố năm 2023: Sữa đậu nành Fami nguyên chất; Sữa đậu nành Fami nguyên chất ít đường; Sữa đậu nành Fami nguyên chất vị sữa dừa; Sữa đậu nành Fami nguyên chất vị đường đen;

1. Để thực hiện phù hợp với Thông tư số 29/2023/TT-BYT, ngày 30/12/2023 "Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm". Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi báo cáo việc bổ sung chỉ tiêu Đường tổng số và Hàm lượng 9 axit amin thiết yếu (sẵn có trong đậu nành) đối với hồ sơ các sản phẩm nêu trên như sau:

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố	Lý do bổ sung
1	Hàm lượng đường tổng số	g/100ml	7,4 ÷ 11,0	Phù hợp với 29/2023/TT-BYT
2	Hàm lượng 9 axit amin thiết yếu (sẵn có trong đậu nành)	mg/100ml	≥ 525	Phù hợp với nội dung ghi dinh dưỡng trên nhãn mới năm 2024

2. Công ty bổ sung 07 nhãn sản phẩm có nội dung ghi nhãn phù hợp với Thông tư số 29/2023/TT-BYT.

Công ty cam kết: Các thông tin khác đều phù hợp với các quy định hiện hành và bổ sung các nội dung thay đổi này vào bộ hồ sơ Tự công bố đang lưu giữ tại Công ty.

Kính trình Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Quảng Ngãi tiếp nhận hồ sơ này của Công ty bổ sung vào hồ sơ Tự công bố đang lưu giữ tại Chi cục./. *ml*

Nơi nhận:

- Như trên;
- NM Sữa VNS; KCS Công ty;
- Lưu HCVT.

Đính kèm:

- Bộ 07 nhãn sản phẩm.
- Hồ sơ Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 08:2023/NS-QNS; TCCS 10:2023/NS-QNS; TCCS 17:2023/NS-QNS; TCCS 18:2023/NS-QNS; Ban hành lần: 02, ngày hiệu lực: 30/03/2024.
- Phiếu phân tích chất lượng các chỉ tiêu bổ sung cho từng loại sản phẩm (Chỉ tiêu Hàm lượng đường tổng số và Hàm lượng 9 axit amin thiết yếu).

TỔNG GIÁM ĐỐC *ml tiche*

Wô Thành Dàng

FAMI NGUYÊN CHẤT



QSH
XSN



Đóng gói
tuyệt đối
trước khi
sử dụng.



Dinh dưỡng thiết yếu từ thực vật



QSH
XSN



NGUYÊN CHẤT

100%
ĐAM THỰC VẬT

Tìm hiểu thêm



3 KHÔNG

- ✓ Không chất bảo quản
- ✓ Không Cholesterol
- ✓ Không biến đổi gen

HỘP GIẤY
NÀY LÀ SỰ
LỰA CHỌN TỐT!



Thành phần: Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường (8,5%), chất ổn định (471, 407), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ acid (500vi).

Sản phẩm có chứa đậu nành.



NGUYÊN CHẤT

9 AXIT AMIN
THIẾT YẾU**

THƠM NGON
MÁT LẠNH

Sữa Đậu Nành
Fami Nguyên Chất

Thể tích thực: 200 ml

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
TRONG 100 ml

Năng lượng	58,5 kcal	Carbohydrat	9,5 g
Chất đạm	2,2 g	Đường tổng số	9,2 g
Chất béo	1,3 g	Chất xơ	220 mg
Cholesterol	0 mg	Natri	25 mg

1 hộp chứa 1500 mg axit amin thiết yếu
(**) 9 Axit amin tự nhiên sản có trong đậu nành

NGON HƠN KHI UỐNG LẠNH

- Nên dùng 2-3 hộp mỗi ngày.
- Sản phẩm sử dụng cho 1 lần uống.
- Bảo quản nơi khô mát.
- Thành phần dinh dưỡng có thể bị lắng hoặc có bèo trên bề mặt nhưng chất lượng sản phẩm không thay đổi.

(*) Theo dữ liệu của Kantar từ Worldpanel Division - Household Panel - Thành thị 4 thành phố chính và nông thôn Việt Nam - Cả năm 2023 - Ngành Sữa Đậu Nành.

Sản phẩm của:
NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi

02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú,

TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

CBSP số: 10NS/QNS/2023

Sản xuất tại Việt Nam
www.vinasoy.com
Hotline: 1800 6020

100%
ĐAM THỰC VẬT

Tìm hiểu thêm



Hạng mục: Bao bì brik Fami Nguyên chất AOP5 RTB - Có đường

Ngày thực hiện: 13/03/2024

Mã số TK: FA36H-AOP5RTB-130324



GIÁM ĐỐC

[Signature]

Huỳnh Sơn Hải

Fami
SOY MILK
ORIGINAL

9 ESSENTIAL AMINO ACIDS**

DELICIOUS GOODNESS

1 hộp chứa 7500 mg axit amin thiết yếu
1 pack contains 7500 mg of essential amino acids
(**) 9 Axit amin tự nhiên sẵn có trong đậu nành
9 Natural amino acids available in soybeans

Thành phần: Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường (8,5%), chất ổn định (4,71, 4,07), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ acid (500%).
Sản phẩm có chứa đậu nành.
Ingredients: Water, soybean extract (44%), sugar (8,5%), stabilizers (4,71, 4,07), nature identical flavor, salt, acidity regulator (500%).
Contains: soybeans.

(*) Theo dữ liệu của Kantar từ Worldpanel Division - Household Panel - Thành thị 4 thành phố chính và nông thôn Việt Nam - Ca năm 2023 - Ngành Sữa Đậu Nành.
Excerpt from Kantar - Worldpanel Division - Household Panel - Urban 4 key cities and Rural Vietnam - Full year 2023 - Soy milk.

8 934614 030066

Fami Original Soy Milk
Net content: 1 litre

Fami
SỮA ĐẬU NÀNH
NGUYÊN CHẤT

9 AXIT AMIN THIẾT YẾU**

THƠM NGON MẬT LÀNH

100% ĐAM THỰC VẬT

SẢN PHẨM CỦA:
NHÀ MÁY SỮA ĐẬU NÀNH VIỆT NAM VINASOY
Chi nhánh công ty Cổ Phần Đường Quảng Ngãi
02 Nguyễn Chí Thanh, P. Quảng Phú, TP. Quảng Ngãi,
tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
CBSP số: 10NS/QNS/2023

Sản xuất tại Việt Nam
www.vinasoy.com
Hotline: 1800 6020

PRODUCT OF:
VIETNAM SOYA PRODUCTS COMPANY
02 Nguyễn Chí Thanh st., Quang Phu Ward, Quang
Ngai City, Quang Ngai province, Vietnam.
Email: info@vinasoy.com

Sữa Đậu Nành
Fami Nguyên Chất

Thể tích thực: 1 lít

Fami
SOY MILK
ORIGINAL

9 ESSENTIAL AMINO ACIDS**

DELICIOUS GOODNESS

1 hộp chứa 7500 mg axit amin thiết yếu
1 pack contains 7500 mg of essential amino acids
(**) 9 Axit amin tự nhiên sẵn có trong đậu nành
9 Natural amino acids available in soybeans

Thành phần: Nước, dịch trích từ đậu nành hạt (44%), đường (8,5%), chất ổn định (4,71, 4,07), hương liệu giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, muối ăn, chất điều chỉnh độ acid (500%).
Sản phẩm có chứa đậu nành.
Ingredients: Water, soybean extract (44%), sugar (8,5%), stabilizers (4,71, 4,07), nature identical flavor, salt, acidity regulator (500%).
Contains: soybeans.

(*) Theo dữ liệu của Kantar từ Worldpanel Division - Household Panel - Thành thị 4 thành phố chính và nông thôn Việt Nam - Ca năm 2023 - Ngành Sữa Đậu Nành.
Excerpt from Kantar - Worldpanel Division - Household Panel - Urban 4 key cities and Rural Vietnam - Full year 2023 - Soy milk.

8 934614 030066

Fami Original Soy Milk
Net content: 1 litre

Hạng mục: Bao bì 1 lít Fami Nguyên chất RTB
Ngày thực hiện: 20/03/2024
Mã số TK: FA10H-RTB-200324

QUYẾT
NHÀ MÁY
SỮA ĐẬU NÀNH
VIỆT NAM
VINASOY
CHI NHÁNH CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐƯỜNG
QUẢNG NGÃI

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Sơn Hải